

**C**HÍNH sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung, đặc biệt là chính sách đất đai nói riêng, đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số là một trong những vấn đề luôn được Đảng, Nhà nước ta quan tâm, với mục tiêu từng bước cải thiện và nâng cao đời sống đồng bào.

Nước ta có 54 dân tộc anh em cùng chung sống. Mỗi dân tộc đều có phong tục, tập quán riêng về sử dụng đất đai. Do đó, chính sách, pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai của Đảng và Nhà nước có tác động tới quan hệ đất đai của từng dân tộc.

Khi nghiên cứu, xây dựng chính sách, pháp luật phục vụ cho việc quản lý và sử dụng đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, việc khảo sát thực tế về phong tục tập quán của đồng bào có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Một trong những nét đặc trưng của việc xây dựng chính sách, pháp luật về đất đai là, chính sách, pháp luật phải vừa phù hợp với đặc điểm chung của cả nước, vừa phù hợp với phong tục tập quán, cách sinh hoạt, sản xuất của từng dân tộc, từng vùng, miền.

Trong những năm qua, khi xây dựng chính sách, pháp luật về đất đai, chúng tôi tiến hành nghiên cứu:

**1. Khu vực Tây Bắc, tiến hành nghiên cứu tại các tỉnh Hòa Bình, Sơn La và một số huyện của tỉnh Lào Cai; đối tượng nghiên cứu là các dân tộc Dao và Thái.**

Theo phong tục truyền thống của người Dao, đất đai không phải là hàng hóa để mua bán, bởi đất đai và các nguồn tài nguyên từ đất đai (nước, cây cối, chim thú) là của linh hồn ông bà, tổ tiên. Con người ở thế hệ hiện tại chỉ

## **Về quản lý và sử dụng đất đai vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

**TRIỆU VĂN BÉ \***

là những người vay mượn, trông coi đất đai cho các thế hệ tương lai. Hộ gia đình hay cá nhân nào đã khai khẩn đất đai thì được trồng cấy, sản xuất ngay trên đó, và mảnh đất này được truyền từ đời này sang đời khác.

Ngoài ra, một số đất rừng phần lớn nằm ở một phần ba phía trên ngọn của các ngọn núi và rừng đầu nguồn nước thường được mặc nhiên thừa nhận là đất thuộc quyền quản lý, bảo vệ của cả cộng đồng. Khu vực này, các thành viên trong cộng đồng chỉ được quyền hái lượm củ và thảo dược, không được quyền khai hoang hoặc canh tác. Việc bảo vệ rừng là bắt buộc đối với tất cả các thành viên trong cộng đồng thông qua các lễ hội thề hằng năm.

Như vậy, theo quan niệm truyền thống, người Dao không cho phép có các hành động phá hủy môi trường sống của họ. Trái lại, việc sử dụng đất đai và các nguồn tài nguyên từ đất đai của họ có thể được mô tả như là sự trung hòa giữa một bên là nhu cầu về lương thực và những nhu cầu khác trong cuộc sống với một bên là sự tôn trọng sâu sắc đối với thiên nhiên và sức mạnh của thiên nhiên. Việc sử dụng thái quá các nguồn tài nguyên sẽ bị xử phạt, nếu không phải bởi cộng đồng thì bởi sức mạnh thiên nhiên.

\* Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

Người Thái thực hiện việc quản lý đất rừng của cộng đồng theo những quy định của luật tục truyền thống. Rừng của cộng đồng được phân thành 4 loại sau:

*Thứ nhất*, khu rừng của các linh hồn (mỗi bản có khoảng 1 - 3 héc-ta) ở ngay cạnh bãi tha ma. Cây cối trong khu rừng này không bao giờ bị đốn chặt, trừ khi được sử dụng làm củi cho việc hỏa táng.

*Thứ hai*, khu rừng đầu nguồn nước ở sát khu vực dân cư sinh sống (mỗi bản có vài héc-ta). Khu rừng này được cả cộng đồng bảo vệ và bất cứ một hành vi xâm phạm nào đều bị xử phạt.

*Thứ ba*, khu rừng được sử dụng để lấy củi và các lâm sản phụ khác (mỗi bản có khoảng 6 - 10 héc-ta). Việc chặt những cây gỗ lớn để dựng nhà phải được sự đồng ý của trưởng bản.

*Thứ tư*, khu rừng dành cho việc tưởng niệm; đó là khu rừng có nghĩa địa cũ hoặc có các di tích lịch sử khác mà dân cư trong bản rất tôn trọng, thành kính.

**2. Khu vực Tây Nguyên, tiến hành nghiên cứu tại Đắc Lắc; đối tượng nghiên cứu là các dân tộc Ê Đê, Mơ Nông.**

Các dân tộc Ê Đê và Mơ Nông theo chế độ mẫu quyền, tức là người phụ nữ có vai trò quyết định trong gia đình. Nhìn chung, những dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên theo chế độ mẫu quyền thì người phụ nữ là chủ của các tài sản có trong gia đình (gồm nhà cửa, ché, công chiêng, công cụ sản xuất, gia súc, gia cầm, cây cối, hoa màu, đất đai), và tất cả các tài sản đó sẽ được để thừa kế theo họ ngoại.

Về đất ở, tuy các hộ có diện tích đất rộng nhưng phần đất của mỗi hộ đều có ranh giới rõ ràng. Trong việc chia thừa kế đất đai, con trai và con gái đều được hưởng, nhưng con trai chỉ được hưởng bằng 1/2 suất của con gái. Nếu người con trai nuôi bố mẹ đến già thì được chia phần tài sản (đất đai) bằng phần của người con gái.

Rừng của cộng đồng làng bản được bảo vệ rất nghiêm ngặt. Khi vào rừng, mọi người chỉ

được khai thác lâm sản phụ mà không được chặt phá cây bừa bãi.

Người Mơ Nông còn có quan niệm riêng trong khi khai phá đất đai để sản xuất. Họ cho rằng, khoảng trống rộng từ 50 đến 100 mét tính từ mép bờ trở ra là của họ và không ai được tự ý khai thác; chỉ người trong gia đình hoặc trong dòng họ mới được khai thác vùng đất này.

**3. Khu vực Tây Nam Bộ, tiến hành nghiên cứu tại Trà Vinh; đối tượng nghiên cứu là dân tộc Khơ Me**

Người Khơ Me sống tập trung ở một số tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tuy có phong tục tập quán riêng, nhưng người Khơ Me thường sống chan hòa. Điều đó thể hiện rõ nhất trong đời sống sinh hoạt cộng đồng, trong các ngày lễ hội, các ngày tết Nguyên đán, Chôn chơ Nam Thơ Mây... Dân tộc Khơ Me theo chế độ mẫu hệ; người vợ là lao động chính trong gia đình nhưng quản lý tiền bạc, tài sản trong gia đình lại do người chồng.

Người Khơ Me có tập quán sử dụng luân phiên đối với đất canh tác do tổ tiên, ông bà để lại. Khu dân cư thường tập trung ở trên giong đất cao; từng hộ có diện tích khuôn viên rộng và quanh khuôn viên thường trồng tre làm hàng rào.

Đời sống của nông dân Khơ Me ở một số nơi còn gặp nhiều khó khăn, chẳng hạn như không có đất hoặc thiếu đất sản xuất, thủy lợi chưa chủ động được tưới tiêu, thiếu vốn làm ăn, sản xuất độc canh, thiên tai, mất mùa, bệnh tật, ốm đau, chi phí lễ hội, sinh nhiều con...

Ngoài những đặc điểm, tập quán nói trên, trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn có một số khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến quan hệ đất đai và việc thực thi chính sách, pháp luật đất đai như: một bộ phận dân cư vẫn còn tập quán sống du canh, du cư, đốt rừng làm nương rẫy; tình trạng di dân không theo kế hoạch chưa được giải quyết tốt; một số nơi, đồng bào dân tộc không có đất hoặc thiếu

đất sản xuất; có nơi, sau khi giao đất khoán rừng, sản xuất và đời sống vẫn chậm được cải thiện...

\* \*  
\*

Từ tình hình trên, để đưa chính sách, pháp luật đất đai vào cuộc sống đồng bào dân tộc thiểu số, chúng tôi thấy cần quan tâm giải quyết một số vấn đề sau:

*Một là*, tổng kết, đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai theo Luật Đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số thời gian qua; đồng thời, quán triệt Luật Đất đai (sửa đổi) năm 2003. Qua đó, từng địa phương có kế hoạch cụ thể nhằm tăng cường quản lý nhà nước về đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*Hai là*, có nội dung và hình thức phổ biến pháp luật đất đai phù hợp với trình độ nhận thức của đồng bào dân tộc thiểu số. Nêu cao ý thức cộng đồng, vai trò của già làng, trưởng bản, mẹ Sok trong việc quản lý và sử dụng đất đai, núi rừng.

*Ba là*, hoàn thành công tác giao đất, giao rừng cho hộ gia đình và cộng đồng để đất đai, núi rừng thật sự đều có chủ, nhằm huy động tốt mọi nguồn lực trong đồng bào dân tộc thiểu số, giúp họ đi lên từ nghề rừng và tập trung đẩy mạnh phát triển vốn rừng. Nhà nước có quy định chung về cơ chế, chính sách quản lý và phát triển tài nguyên rừng, trong đó có chính sách tín dụng ưu đãi để hỗ trợ đồng bào phát triển rừng thâm canh, xóa dần quảng canh, độc canh. Đặc biệt, Nhà nước cần cụ thể hóa các chính sách có liên quan đến lợi ích của người trồng rừng để mọi bản làng đều có sự chủ động, năng động, sáng tạo trong chăm sóc và bảo vệ rừng. Đối với những nơi có nông - lâm trường, cần nhanh chóng đổi mới cơ chế quản lý, tổ chức lại sản xuất, triển khai có hiệu quả các dự án chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, dịch vụ gắn với nông -

lâm nghiệp sản xuất hàng hóa, thay dần kinh tế tự cấp, tự túc.

*Bốn là*, rà soát lại quy hoạch, nâng chất lượng quy hoạch sử dụng đất đai, cân đối lao động và đất đai; tăng cường kiểm tra, thanh tra việc quản lý và sử dụng đất đai, xử lý nghiêm các vi phạm; giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về đất đai, nhất là đối với những vụ liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng tốt các làng định canh, định cư, đồng thời, có giải pháp chủ động giải quyết có hiệu quả tình trạng di dân không theo kế hoạch để Nhà nước có thể hạn chế hoặc kiểm soát được việc di dân, với mục đích có lợi cho quốc kế dân sinh, ngăn ngừa phát sinh những vấn đề xã hội phức tạp.

*Năm là*, thực hiện nghiêm pháp luật đất đai trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ở một số vùng, cần quan tâm xem xét điều kiện chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông - lâm nghiệp. Chính quyền và các đoàn thể có hình thức giúp đỡ hộ nông dân khi gặp thiên tai, mất mùa, bệnh tật, ốm đau, thiếu vốn làm ăn phải cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng đất đai, nhằm hạn chế đến mức tối đa tình trạng nông dân là người dân tộc thiểu số ở nơi chưa có điều kiện công nghiệp hóa và giải quyết việc làm không có đất hoặc thiếu đất sản xuất. Bên cạnh đó, cần có giải pháp tích cực để phát huy tốt những ngành, nghề truyền thống, phát triển thêm những ngành, nghề mới nhằm thu hút lao động nhàn rỗi trong đồng bào dân tộc thiểu số.

*Sáu là*, nghiên cứu tập quán sử dụng đất luân phiên trong một số vùng đồng bào dân tộc thiểu số để xem xét việc cấp và sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình cho phù hợp với tập quán trên. Đồng thời, áp dụng hình thức giao đất, giao rừng cho cộng đồng, làng bản theo Luật Đất đai, Luật Bảo vệ và phát triển rừng phù hợp với tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số. □